

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc: Phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không Quảng Ninh
giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

- Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003,
- Căn cứ Luật 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;
- Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22/4/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
- Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng công trình;
- Căn cứ Nghị định số 83/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về Quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 08/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển Giao thông vận tải Hàng không giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-BGTVT ngày 12/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc cho phép lập Quy hoạch tổng thể Cảng hàng không Quảng Ninh;
- Căn cứ Quyết định số 1863/QĐ-BGTVT ngày 24/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt đề cương dự toán công tác khảo sát, lập Quy hoạch tổng thể Cảng hàng không Quảng Ninh;
- Căn cứ Quyết định số 746/QĐ-BGTVT ngày 23/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt đề cương dự toán điều chỉnh công tác khảo sát, lập Quy hoạch tổng thể Cảng hàng không Quảng Ninh;
- Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 13/3/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ vị trí sân bay Vân Đồn trong Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh;
- Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 126/TB-VPCP ngày 26/5/2011 của Văn phòng Chính phủ;

- Căn cứ ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành về Quy hoạch Cảng hàng không Quảng Ninh tại các văn bản: số 1736/UBND-QH2 ngày 19/5/2011 và số 4826/UBND-QH2 ngày 28/11/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh; số 2865/BKHĐT-KCHTĐT ngày 10/5/2011 của Bộ Kế hoạch & Đầu tư; số 6279/BTC-ĐT ngày 16/5/2011 của Bộ Tài chính; số 1992/BTNMT-KH ngày 06/6/2011 của Bộ Tài nguyên & Môi trường; số 706/BXD-KTQH ngày 12/5/2011 và số 2077/BXD-KTQH ngày 02/12/2011 của Bộ Xây dựng; số 1134/BNN-KH ngày 26/4/2011 của Bộ Nông nghiệp & PTNT và số 1394/BQP-TM ngày 09/6/2011 của Bộ Quốc phòng;

- Căn cứ văn bản số 1358/VPCP-KTN ngày 06/3/2012; văn bản số 277/VPCP-KTN ngày 12/01/2012 của Văn phòng Chính phủ về lập quy hoạch Cảng hàng không Quảng Ninh;

- Xét Hồ sơ và Tờ trình số 1007/CHK-QLC ngày 29/3/2011 của Cục Hàng không Việt Nam xin phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Xét công văn số 2654/CHK-BQLDA ngày 05/7/2011 của Cục Hàng không Việt Nam giải trình ý kiến đóng góp cho Hồ sơ Quy hoạch Cảng hàng không Quảng Ninh;

- Xét Báo cáo kết quả thẩm định đồ án Quy hoạch Cảng hàng không Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 ngày 06/9/2011;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt đồ án Quy hoạch Cảng hàng không Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Quy hoạch Cảng hàng không Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

2. Địa điểm: Xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

3. Nội dung công tác Quy hoạch:

3.1. Cấp sân bay: Cảng hàng không cấp 4E (theo mã chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế - ICAO); Sân bay quân sự cấp II.

3.2. Vai trò chức năng trong mạng Cảng hàng không, Sân bay dân dụng toàn quốc: Là Cảng hàng không nội địa đón được các chuyến bay quốc tế.

3.3. Tính chất sử dụng: Sân bay dùng chung dân dụng và quân sự.

3.4. Phương án quy hoạch mặt bằng: Chọn phương án 1 trong Hồ sơ Quy hoạch.

3.5. Quy hoạch khu bay:

- Đường cất hạ cánh (CHC): Xây dựng 01 đường CHC kích thước 3.000m x 45m, hướng 03-21, đảm bảo khai thác máy bay B777 hoặc tương đương, bao gồm:

+ Lê vật liệu rộng 7,5m;

+ Dải hãm phanh hai đầu đường CHC kích thước 100m x 60m;

+ Bảo hiểm tại hai đầu đường CHC kích thước 300m x 300m; Bảo hiểm sườn hai phía đường CHC, rộng 45m.

- Hệ thống đường lăn:

+ Xây dựng 1 đường lăn song song dài 3.000m, rộng 23m, lề đường lăn mỗi bên rộng 7,5m.

+ Xây dựng hệ thống đường lăn nối, đường lăn cao tốc đồng bộ với đường CHC và đường lăn song song. Chiều rộng đường lăn 23m, lề đường lăn mỗi bên rộng 7,5m.

- Hệ thống sân đỗ máy bay:

+ Giai đoạn đến năm 2020: Xây dựng sân đỗ máy bay đạt tối thiểu 4 vị trí đỗ máy bay.

+ Giai đoạn định hướng đến năm 2030: Mở rộng sân đỗ đảm bảo đạt tối thiểu 7 vị trí đỗ máy bay.

+ Sân đỗ máy bay quân sự có diện tích 36.000m² được đầu tư khi có nhu cầu.

3.6. Quy hoạch các khu hàng không dân dụng:

- Khu nhà ga hành khách: Giai đoạn đến năm 2020, xây dựng nhà ga hành khách 02 cao trình; công suất 2 triệu hành khách/năm; Giai đoạn đến năm 2030, đầu tư mở rộng nhà ga hành khách công suất có thể đáp ứng 5 triệu hành khách/năm nếu có nhu cầu.

- Nhà ga hàng hóa: Giai đoạn đến năm 2020, bố trí khu xử lý hàng hoá trong nhà ga hành khách; Giai đoạn đến năm 2030, đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa độc lập đáp ứng công suất tối thiểu 30.000 tấn hàng hóa/năm.

- Nhà điều hành: Bố trí tại khu trung tâm, diện tích đất 8.000m² và có thể mở rộng theo nhu cầu.

- Nhà làm việc Cảng vụ hàng không và các cơ quan nhà nước khác: bố trí tại khu trung tâm, diện tích đất 12.000m².

3.7. Quy hoạch phục vụ kỹ thuật:

- Vườn khí tượng: Diện tích vườn 1.000m².

- Nhà xe, trạm xe ngoại trường: Tổng diện tích 6.300m². Giai đoạn đến năm 2020, xây dựng với diện tích 2.100m²; Giai đoạn định hướng đến

năm 2030, xây dựng đạt diện tích 4.200m².

- Trạm cứu nguy, cứu hỏa: Giai đoạn đến năm 2020, đầu tư đồng bộ đảm bảo đạt cấp 9 theo tiêu chuẩn của ICAO.

- Khu cấp nhiên liệu: Tổng diện tích 10.000m² cho giai đoạn đến năm 2020 và theo nhu cầu có thể đầu tư mở rộng lên 20.000m².

- Khu chế biến xuất ăn: Tuỳ theo nhu cầu sẽ nghiên cứu đầu tư xây dựng khu chế biến suất ăn với diện tích khoảng 1.000m²; Có dự trữ đất để mở rộng khi cần thiết.

- Hệ thống cấp điện: Giai đoạn đến năm 2020, xây dựng trạm điện đảm bảo cung cấp điện cho toàn cảng hàng không với công suất dự kiến khoảng 3.000 KVA; Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng bổ sung trạm điện nâng công suất lên 6.000 KVA.

- Hệ thống cấp nước: Sử dụng nguồn nước từ giếng khoan và nước sạch do địa phương cấp, đồng thời xây dựng trạm xử lý nước đồng bộ.

- Hệ thống thoát nước:

- + Thoát nước mặt: Giai đoạn đến năm 2020, xây dựng đồng bộ hệ thống mương thoát nước, cống thoát nước bao quanh khu hàng không dân dụng và khu bay.

- + Thoát nước thải: Xử lý cục bộ bằng bể tự hoại và bể lọc dầu mỡ sau đó thoát vào hệ thống thoát nước mưa toàn sân bay.

- Hệ thống xử lý rác thải: Được đầu tư ngay trong giai đoạn đến 2020. Khu xử lý rác thải được bố trí tại phía Nam khu hàng không dân dụng.

- Hệ thống tường rào bảo vệ Cảng hàng không: Xây dựng đồng bộ hệ thống tường rào, đường công vụ trong giai đoạn đến năm 2020 bao quanh toàn bộ sân bay.

3.8. Quy hoạch khu quản lý và trang thiết bị phục vụ điều hành bay:

- Đài kiểm soát không lưu: bố trí tại khu vực phía Bắc nhà ga hành khách, tổng diện tích 10.000m², chiều cao tối đa của công trình là 32m.

- Hệ thống dẫn đường:

- + Đài dẫn đường DVOR/DME: nằm trên tim đường CHC kéo dài, cách đầu 03 đường CHC 3.500m về phía Nam.

- + Hệ thống thiết bị hạ cách chính xác ILS đầu 03.

- + Hệ thống đèn tiếp cận CAT I đầu 03 và hệ thống đèn tiếp cận gián đơn đầu 21.

3.9. Quy hoạch giao thông:

- Đường trục vào sân bay: 04 làn xe chạy, chiều rộng mặt đường 21m.
- Đường nội bộ: Dài khoảng 4.400m; 2 làn xe; chiều rộng mặt đường 10,5m.
- Cầu cạn: Dài khoảng 540m.
- Đường công vụ bảo vệ khu bay: Xây dựng phù hợp với nhu cầu sử dụng với mặt đường rộng 3,5m.
- Sân đỗ ô tô: Giai đoạn đến năm 2020, xây dựng với diện tích khoảng 20.000m²; Giai đoạn định hướng đến năm 2030, mở rộng diện tích đạt khoảng 42.000m².

3.10. Quy hoạch sử dụng đất: Tổng diện tích 284,625 ha, trong đó:

- Diện tích dùng chung : 196,910 ha
- Diện tích khu Hàng không dân dụng : 63,600 ha
- Diện tích khu Quân sự : 24,115 ha

3.11. Nhu cầu vốn đầu tư : 5.128 tỷ đồng.

Trong đó:

- Giai đoạn đến năm 2020 : 3.459 tỷ đồng.
- Giai đoạn định hướng đến năm 2030 : 1.669 tỷ đồng.

4. Các chỉ tiêu đạt được của Quy hoạch:

- Giai đoạn đến năm 2020:
 - + Cấp sân bay: 4E (theo phân cấp của ICAO).
 - + Số vị trí đỗ: tối thiểu 04 vị trí (dự kiến 02 vị trí A321, 02 vị trí B777).
 - + Loại máy bay tiếp nhận: B777 và tương đương.
 - + Công suất tiếp nhận hành khách: 2 triệu hành khách/năm.
 - + Lượng hàng hóa: 10.000 tấn/năm
 - + Cấp cứu nguy, cứu hỏa: Cấp 9.
 - + Tiếp cận hạ cánh: Tiếp cận hạ cánh chính xác CAT I đầu 03; tiếp cận hạ cánh không chính xác đầu 21.
 - + Sử dụng phương thức dẫn đường theo tính năng (PBN), các hệ thống vệ tinh dẫn đường toàn cầu (GNSS) và hệ thống tăng cường chất lượng vệ tinh (GPBAS).
- Giai đoạn định hướng đến năm 2030:
 - + Cấp sân bay: 4E (theo phân cấp của ICAO).
 - + Số vị trí đỗ: Tối thiểu 7 vị trí.
 - + Loại máy bay tiếp nhận: B777 và tương đương.

+ Công suất tiếp nhận hành khách: Có thể đáp ứng 5 triệu hành khách/năm nếu có nhu cầu.

+ Lượng hàng hóa: 30.000 tấn/năm.

+ Cấp cứu nguy, cứu hỏa: Cấp 9.

+ Tiếp cận hạ cánh: Tiếp cận hạ cánh chính xác CAT I đầu 03; tiếp cận hạ cánh không chính xác đầu 21.

+ Sử dụng phương thức dẫn đường theo tính năng (PBN), các hệ thống vệ tinh dẫn đường toàn cầu (GNSS) và hệ thống tăng cường chất lượng vệ tinh (GPBAS).

Điều 2: Cục Hàng không Việt Nam tổ chức triển khai phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 3: Các ông: Vụ trưởng Vụ Kế hoạch đầu tư, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *ed*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Hàng không Việt Nam;
- TCT Cảng hàng không Việt Nam;
- Lưu VT, Vụ KHĐT.



Đinh La Thăng